

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING
VIỆN NGHIÊN CỨU KINH TẾ ỨNG DỤNG



TÂM LÝ HỌC ỨNG DỤNG TRONG KINH DOANH

(Bậc đại học, cao đẳng chương trình Chất lượng cao, Đặc biệt và Quốc tế)

Biên soạn: ThS. Nguyễn Võ Huệ Anh

ThS. Lê Nữ Diễm Hương

Thành phố Hồ Chí Minh – Năm 2019

MỤC LỤC

Phần 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA TÂM LÝ HỌC	1
Chương 1. KHÁI QUÁT VỀ TÂM LÝ HỌC.....	1
I. TÂM LÝ NGƯỜI.....	2
1. Khái niệm tâm lý người.....	2
1.1. Khái niệm tâm lý	2
1.2. Khái niệm tâm lý người.....	2
2. Bản chất của các hiện tượng tâm lý	3
2.1. Tâm lý có bản chất phản ánh	3
2.2. Bản chất xã hội – lịch sử của tâm lý.....	3
2.3. Tâm lý có bản chất phản xạ	4
3. Chức năng của các hiện tượng tâm lý người.....	5
4. Phân loại các hiện tượng tâm lý.....	5
4.1 Cách phân loại phổ biến nhất.....	5
4.2 Một số cách phân loại khác.....	7
II. LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ HỌC.....	7
1. Những tư tưởng tâm lý học thời cổ đại.....	7
1.1 Các nhà thông thái duy tâm cho rằng.....	7
1.2 Các nhà thông thái duy vật	8
2. Những tư tưởng tâm lý học từ nửa đầu thế kỷ XIX trở về trước	9
3. Tâm lý học trở thành một khoa học độc lập.....	9
4. Các quan điểm cơ bản trong tâm lý học hiện đại	10
4.1. Tâm lý học hành vi.....	10
4.2. Tâm lý học cấu trúc (còn gọi là tâm lý học Gestalt)	11
4.3. Phân tâm học (còn gọi là tâm lý học Sigmund Freud).....	11
4.4. Tâm lý học nhân văn	12
4.5. Tâm lý học nhận thức	12
4.6. Tâm lý học hoạt động.....	12
III. CÁC PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TÂM LÝ HỌC.....	13
Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu tâm lý học	13
IV. VAI TRÒ CỦA TÂM LÝ HỌC	15
1. Đối với đời sống xã hội.....	16
2. Đối với các ngành kinh tế.....	16
Tóm tắt bài học.....	22

Chương 2. CÁC HIỆN TƯỢNG TÂM LÝ CÁ NHÂN.....	23
A.CÁC HIỆN TƯỢNG TÂM LÝ CÁ NHÂN CƠ BẢN	24
I. HOẠT ĐỘNG NHẬN THỨC	24
1. Nhận thức cảm tính	24
a. Cảm giác	25
b. Tri giác	27
2. Nhận thức lý tính	30
a. Tư duy	31
b. Tưởng tượng	32
3. Hoạt động hỗ trợ Nhận thức - Chú ý và Trí nhớ	34
a. Chú ý	34
b. Trí nhớ	36
II. CẢM XÚC	40
1. Khái niệm cảm xúc	40
2. Những đặc điểm của cảm xúc	41
3. Các quy luật của cảm xúc	42
B.NHÂN CÁCH	44
I. KHÁI NIỆM VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA NHÂN CÁCH	44
1. Khái niệm Nhân cách	44
2. Các đặc điểm cơ bản của nhân cách	45
a. Tính thống nhất của nhân cách	45
b. Tính ổn định của nhân cách	45
c. Tính tích cực của nhân cách	45
d. Tính giao lưu của nhân cách	46
II. CẤU TRÚC TÂM LÝ CỦA NHÂN CÁCH	46
1. Xu hướng của nhân cách	46
a. Nhu cầu	46
b. Hứng thú	47
c. Lý tưởng	47
d. Niềm tin	47
e. Thế giới quan	47
2. Tính cách	48
3. Khí chất	48

4. Năng lực	49
III. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH.....	50
1. Di truyền.....	50
2. Giao tiếp	50
3. Môi trường.....	51
4. Giáo dục.....	51
5. Hoạt động của cá nhân	52
Tóm tắt bài học.....	57
Chương 3. CÁC HIỆN TƯỢNG TÂM LÝ XÃ HỘI.....	58
I. KHÁI NIỆM NHÓM.....	59
1. Khái niệm nhóm.....	59
a. Mục đích chung.....	59
b. Sự tương tác giữa các thành viên	60
c. Các quy tắc chung	60
d. Các vai trò khác nhau mà thành viên đảm nhận	60
2. Phân loại nhóm	61
II. CÁC GIAI ĐOẠN HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TRONG NHÓM	62
1. Giai đoạn Hình thành	62
2. Giai đoạn Bảo tổ	62
3. Giai đoạn Xây dựng chuẩn mực	63
4. Giai đoạn Thực thi	63
5. Giai đoạn Tri hoãn	63
III. CÁC HIỆN TƯỢNG TÂM LÝ TRONG NHÓM	63
1. Bầu không khí tâm lý xã hội.....	63
2. Dư luận xã hội.....	64
3. Tin đồn	65
4. Sự lây lan tâm lý	67
5. Áp lực nhóm	68
6. Mâu thuẫn.....	68
Tóm tắt bài học.....	73
Phần 2. TÂM LÝ HỌC ỨNG DỤNG TRONG KINH DOANH	74
Chương 4. ỨNG DỤNG TÂM LÝ HỌC TRONG LAO ĐỘNG, SẢN XUẤT VÀ QUẢN TRỊ.....	74
1. Tổng quan về tâm lý học trong lao động sản xuất.....	75
2. Ứng dụng tâm lý trong quá trình tổ chức quá trình lao động.....	76

2.1. Phân công lao động	76
2.1.1. Một số đặc điểm cần chú ý trong phân công lao động.....	77
2.1.2. Những vấn đề tâm lý chú ý trong định mức giờ làm	80
2.1.3. Xây dựng chế độ lao động và nghỉ ngơi hợp lý.....	80
2.1.4. Chú ý vấn đề thẩm mỹ hoá trong lao động sản xuất	88
3. Tâm lý nhà lãnh đạo	94
3.1. Nhân cách nhà lãnh đạo	95
3.1.1. Định nghĩa nhân cách lãnh đạo	95
3.1.2. Đặc điểm tâm lý chung của nhà lãnh đạo.....	95
3.2. Những yêu cầu về mặt tâm lý đối với nhà quản trị	96
3.2.1. Trình độ chính trị.....	96
3.2.2. Năng lực chuyên môn.....	96
3.2.3. Một số khuynh hướng nghiên cứu về các phẩm chất nhà lãnh đạo	96
3.2.4. Phong cách lãnh đạo	101
3.2.5. Uy tín nhà lãnh đạo	102
3.3. Tâm lý trong công tác tổ chức và quản lý nhân sự.....	105
3.3.1. Những tiêu chí cần đánh giá người lao động.....	105
Chương 5. ỨNG DỤNG TÂM LÝ HỌC TRONG MARKETING VÀ BÁN HÀNG	113
I. HÀNH VI TIÊU DÙNG.....	114
1. Định nghĩa hành vi tiêu dùng	114
2. Mô hình hành vi tiêu dùng	115
3. Nhu cầu tiêu dùng	120
4. Động cơ tiêu dùng.....	123
II. TÂM LÝ TRONG CÁC CHIẾN LƯỢC MARKETING	124
1. Tâm lý trong thiết kế sản phẩm mới	124
2. Tâm lý trong chiến lược giá	126
3. Tâm lý trong quảng cáo thương mại.....	128
4. Tâm lý trong tiêu thụ sản phẩm.....	131
Tóm tắt bài học.....	135
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	136
PHỤ LỤC.....	138

PHẦN 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA TÂM LÝ HỌC

Chương 1. KHÁI QUÁT VỀ TÂM LÝ HỌC

Mục tiêu bài học:

- Hiểu được những kiến thức xung quanh các khái niệm cơ bản, bản chất, chức năng của các hiện tượng tâm lý.
- Khái quát được sự hình thành và phát triển tâm lý học qua các giai đoạn lịch sử, các trường phái, sự thành công, đóng góp và những hạn chế của nó.
- Đánh giá được vai trò của tâm lý học trong đời sống và trong kinh doanh
- Hình thành ý thức vận dụng các phương pháp cơ bản vào trong nghiên cứu tâm lý trong hoạt động kinh doanh.
- Tôn trọng khoa học và có thái độ lịch sự, chuyên nghiệp trong học tập, lao động và các mối quan hệ khác.

I. TÂM LÝ NGƯỜI

1. Khái niệm tâm lý người

1.1. Khái niệm tâm lý

Trong từ điển tiếng Việt “Tâm lý”, “tâm hồn” định nghĩa một cách tổng quát: tâm lý là ý nghĩ, tình cảm...làm thành đời sống nội tâm bên trong con người.

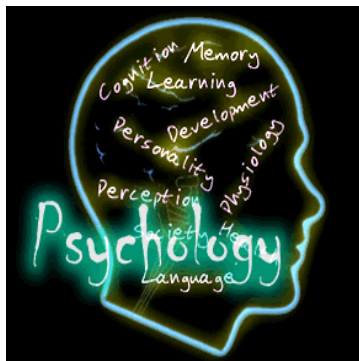
Theo nghĩa đời thường chữ “tâm” thường dùng với các cụm từ “nhân tâm”, “tâm đắc”, “tâm địa”, “tâm can”...thường có nghĩa là “ tấm lòng” thiên về tình cảm, còn chữ “hồn” thường diễn đạt tư tưởng, tinh thần, ý thức, ý chí...của con người.

Theo tiếng Latinh “Psyche” là “linh hồn”, “tinh thần” và “logos” là học thuyết, là “khoa học”, vì thế “tâm lý học (Psychology)” là khoa học về tâm hồn.

1.2. Khái niệm tâm lý người

Theo quan niệm của Triết học thì: *Tâm lý là sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người thông qua chủ thể, tâm lý người có bản chất xã hội lịch sử. Đây chính là bản chất của hiện tượng tâm lý người theo quan điểm Tâm lý học Marxist.*

Tâm lý người bao gồm tất cả những hiện tượng tinh thần xảy ra trong đầu óc con người, gắn liền và điều hành mọi hành động, hoạt động của con người.



Tâm lý học (Psychology) là một khoa học nghiên cứu về hành vi ứng xử và các tiến trình tâm trí của con người.

Khi nghiên cứu hành vi ứng xử và tiến trình tâm lý của con người tâm lý học thường nghiên cứu những vấn đề sau đây:

- Tâm lý không chỉ nghiên cứu các hành vi tâm lý của con người mà còn nghiên cứu cả những ý tưởng, tình cảm, nhận thức, các tiến trình lý luận, kí ức, và cả các hoạt động sinh lý giúp cơ thể con người những chức năng của nó.
- Trong quá trình nghiên cứu hành vi ứng xử và tiến trình tâm lý của con người các nhà tâm lý học không chỉ quan tâm đến mô tả các hành vi mà còn nghiên cứu ở

các mức độ cao hơn; với tư cách là một khoa học, tâm lý học cố gắng giải thích, dự đoán, cải biến, và sau cùng hoàn thiện cuộc sống.

Trong cuốn sách này trên góc độ kiến thức của tâm lý học, chúng ta sẽ thấy mối quan hệ giữa khoa học tâm lý và sự ứng dụng của chúng trong lĩnh vực kinh doanh, như trong quản trị con người, trong bổ nhiệm nhân sự, trong sự quản lý các “làn sóng” dư luận trong tổ chức...; ứng dụng tâm lý trong bán hàng như dự đoán khách hàng tiềm năng, nắm bắt tâm lý khách hàng trong giới thiệu và tư vấn sản phẩm, biết khí chất – xu hướng tâm lý để tác động nhằm tạo nhu cầu tiêu dùng của khách hàng...; sự ứng dụng tâm lý trong lĩnh vực lao động – sản xuất như các phương thức bày trí, sắp xếp và màu sắc giúp kích thích sự hăng say, giảm sự mệt mỏi, cũng như đề phòng các tai nạn lao động do tâm lý tạo nên;...

2. Bản chất của các hiện tượng tâm lý

2.1. Tâm lý có bản chất phản ánh

Tất cả các hiện tượng tâm lý, từ những hiện tượng tâm lý đơn giản đến những thuộc tính, phẩm chất phức tạp của nhân cách con người đều tồn tại ở trong não dưới dạng hình ảnh này hay hình ảnh khác với mức độ phức tạp khác nhau. Điều kiện đầu tiên để có các hình ảnh đó là phải có các hiện tượng, sự vật khách quan của thế giới bên ngoài tác động tới các giác quan và não bộ bình thường của con người.

Tâm lý mang tính chủ quan của từng người. Tâm lý là phản ánh tồn tại khách quan, nhưng sự phản ánh tâm lý không máy móc, nguyên xi như phản ánh cơ học, mà tâm lý là tổng hoà các hình ảnh chủ quan (hình ảnh tâm lý) về tồn tại khách quan.

2.2. Bản chất xã hội – lịch sử của tâm lý.

Để tồn tại và phát triển, thế hệ trước đã truyền đạt kinh nghiệm xã hội- lịch sử cho thế hệ sau. Thế hệ sau tiếp thu những kinh nghiệm và sáng tạo nên những giá trị vật chất, tinh thần mới. Qua đó tâm lý con người được hình thành và phát triển

Con người tiếp thu nền văn minh nhân loại và biến thành tâm lý của bản thân. Tâm lý mỗi người có cái chung của loài người, của dân tộc, của vùng, của địa phương nhưng cũng có cái riêng của mỗi con người cụ thể.

Như vậy, mỗi người có một đời sống tâm lý riêng, một tâm hồn riêng. Tâm lý mỗi người là kinh nghiệm xã hội- lịch sử chuyển thành kinh nghiệm của bản thân.

2.3. Tâm lý có bản chất phản xạ.

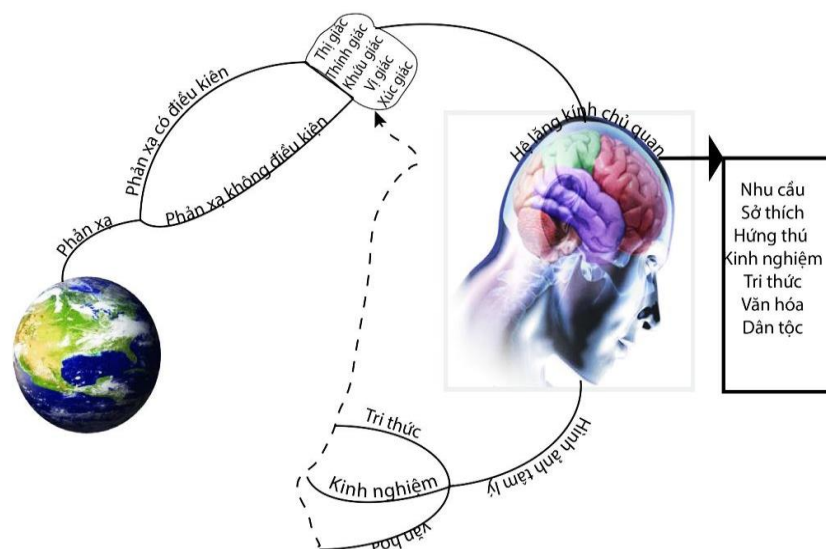
Tất cả các hình ảnh tâm lý, các kinh nghiệm sống bản thân đều tồn tại trong não bộ. Nhưng không phải cứ có não là có tâm lý. Muốn có tâm lý phải có tồn tại khách quan tác động vào não và não người phải tiếp nhận được tác động ấy.

Để tiếp nhận tác động từ bên ngoài vào, não phải hoạt động. Não hoạt động theo cơ chế phản xạ. Phản xạ có bốn khâu: Khâu dẫn vào, khâu trung tâm, khâu dẫn ra, khâu liên hệ ngược.

Có hai loại phản xạ: phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện. Phản xạ không điều kiện là cơ sở sinh lý thần kinh của bản năng, phản xạ có điều kiện là cơ sở sinh lý của các hoạt động tâm lý khác, đặc trưng của con người. Nhưng mỗi hiện tượng tâm lý không phải gồm một phản xạ có điều kiện mà gồm nhiều hoặc một hệ thống phản xạ có điều kiện.

Như vậy, muốn có tâm lý nhất thiết phải có phản xạ, đặc biệt là phản xạ có điều kiện. Tâm lý có bản chất phản xạ.

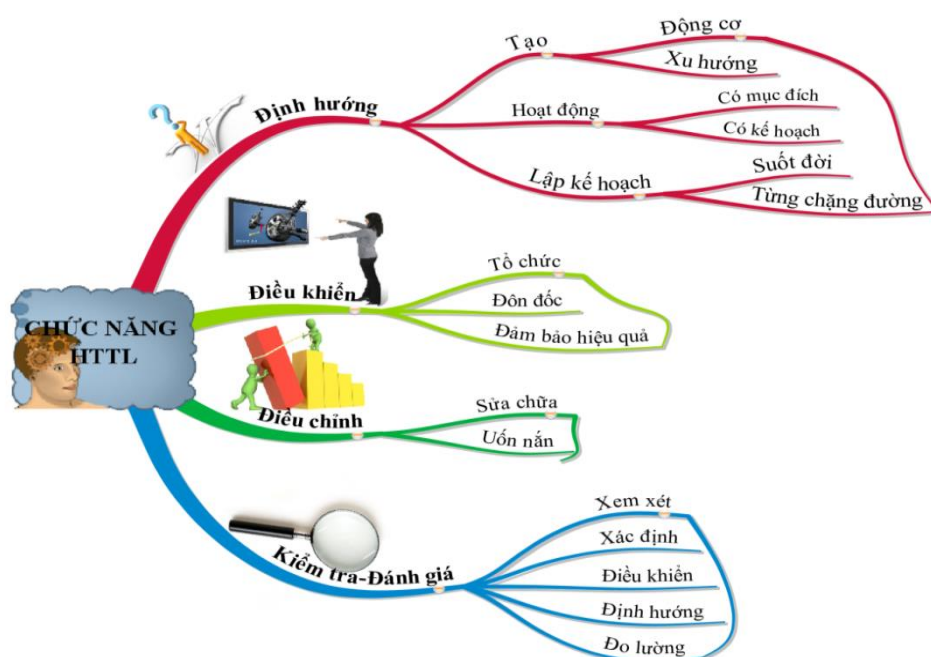
Có thể tổng kết bản chất tâm lý người trong sơ đồ sau đây:



Sơ đồ: Tổng quát hóa về bản chất tâm lý người

3. Chức năng của các hiện tượng tâm lý người

Khi tiến hành một hành động, con người không sử dụng một chức năng riêng lẻ, nó là sự tổng hợp các chức năng để giải quyết một nhiệm vụ của cuộc sống. Nhờ có các chức năng này mà con người có thể thích ứng với môi trường sống, nhờ đó con người mới tồn tại. Không những thế nhờ chúng con người làm chủ môi trường và hoàn cảnh, sáng tạo và cải biến bản thân và kể cả cải tạo thế giới để đạt được mục đích của con người.



4. Phân loại các hiện tượng tâm lý

Phân loại các hiện tượng tâm lý: có 2 cách phân loại tâm lý học chủ yếu.

4.1 Cách phân loại phổ biến nhất

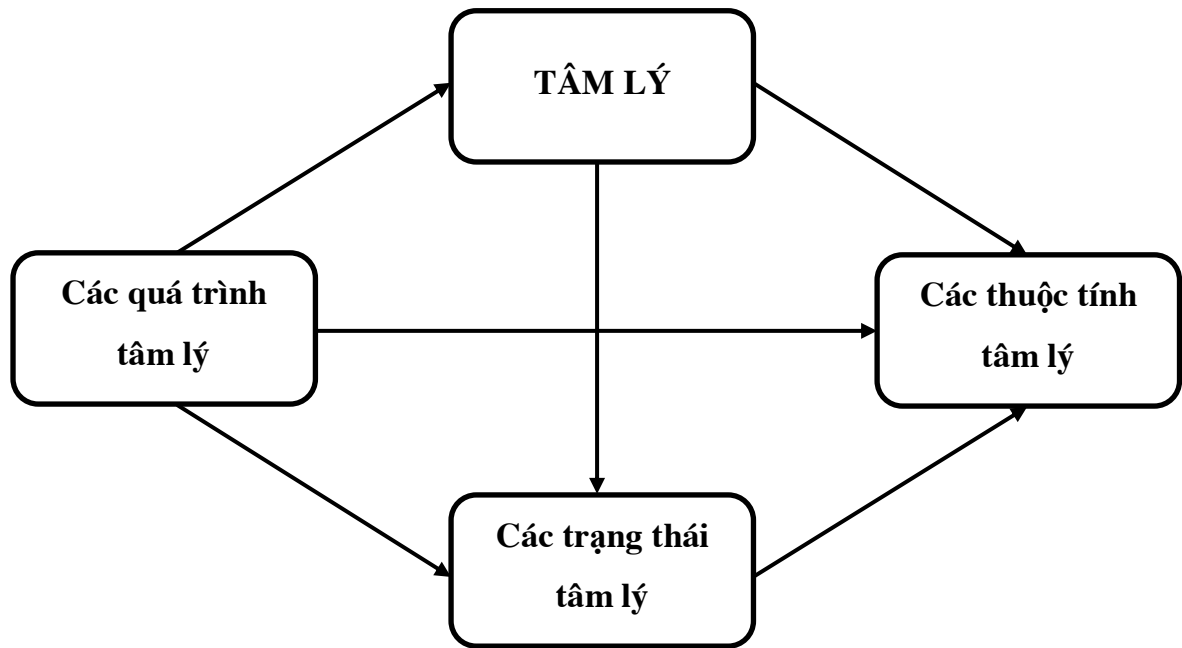
Các hiện tượng tâm lý được phân loại theo thời gian tồn tại của chúng và vị trí tương đối của chúng trong nhân cách. Theo cách phân chia này, các hiện tượng tâm lý có ba loại chính: *các quá trình tâm lý, các trạng thái tâm lý, các thuộc tính tâm lý.*

Các quá trình tâm lý: Quá trình tâm lý là những hiện tượng tâm lý diễn ra trong một thời gian tương đối ngắn có mở đầu, diễn biến và kết thúc tương đối rõ ràng. *Người ta phân biệt các quá trình tâm lý khác nhau:*

- Các quá trình nhận thức gồm: cảm giác, tri giác, trí nhớ, tưởng tượng, tư duy, ngôn ngữ.
- Các quá trình cảm xúc biểu thị sự vui mừng hay tức giận, dễ chịu hay khó chịu, nhiệt tình hay thờ ơ.
- Quá trình hành động ý chí.
- Các quá trình tâm lý diễn ra trong một thời gian nhất định rồi kết thúc.

Các trạng thái tâm lý: Là những hiện tượng tâm lý diễn biến không rõ mở đầu và không rõ cả kết thúc. Thường các trạng thái tâm lý đi kèm theo hiện tượng tâm lý khác, chúng đóng vai trò làm nền tảng cho các hiện tượng tâm lý này. Ví dụ: Trạng thái chú ý trong nhận thức. Tâm trạng buồn bực, vui vẻ, sợ hãi, trạng thái căng thẳng trong hành động.

Các thuộc tính tâm lý: Là các hiện tượng tâm lý mang tính ổn định, khó hình thành và khó mất đi, tạo thành những nét riêng của nhân cách. Người ta thường nói đến bốn thuộc tính tâm lý cá nhân như sau: xu hướng, tính cách, khí chất, năng lực... Có thể biểu hiện mối quan hệ bằng sơ đồ như sau:



Người ta còn phân biệt hiện tượng tâm lý sống động (thể hiện trong hành vi, hoạt động) và hiện tượng tâm lý tiềm tàng (tích động trong sản phẩm hoạt động).

II. LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ HỌC

1. Những tư tưởng tâm lý học thời cổ đại

1.1 Các nhà thông thái duy tâm cho rằng

“Tư tưởng, tâm lý là cái có trước, còn thực tại mà con người sống là cái có thứ hai, cái có sau. Tinh thần, tư tưởng, tâm lý tồn tại không phụ thuộc vào con người và sự vật chung quanh”

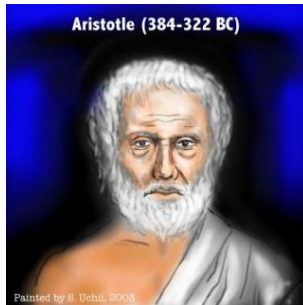


Nhà hiền triết Hy Lạp cổ đại là Socrates (469 – 399 TCN). Socrates đã khẳng định có một loại hiện tượng thuộc về cái “tôi” cần phải được nhận thức, nghiên cứu, tìm ra quy luật. Đây là tư tưởng quan trọng đối với sự ra đời của khoa học tâm lý, ý thức khép kín, ẩn sâu bên trong chủ quan ta, do chính ta hiểu được ta, còn người khác không thể hiểu được tâm lý.

Platon (428 – 348 TCN): ông cho rằng tâm hồn do trời sinh ra, ta không thể biết được và tâm hồn gồm 3 loại: Tâm hồn trí tuệ nằm trong đầu, chỉ có ở giai cấp chủ nô, tâm hồn dũng cảm nằm ở ngực, chỉ có ở tầng lớp quý tộc, tâm hồn khát vọng nằm ở bụng, chỉ có ở tầng lớp nô lệ.

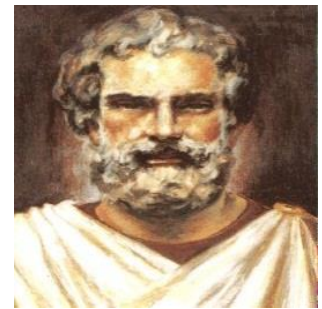


1.2 Các nhà thông thái duy vật



Người đầu tiên bàn về tâm hồn là Aristotle (384 – 322 TCN). Ông là một trong những người có quan điểm duy vật. Quan điểm của ông được bộc lộ rõ nhất trong tác phẩm bàn về “Bàn về linh hồn” được coi là cuốn sách đầu tiên trên thế giới bàn sâu về tâm hồn con người.

“Tales (thế kỷ thứ VII –V TCN); Anaximen (thế kỷ V TCN). Heracleitus (thế kỷ VI – V TCN) cho rằng tâm lý, tâm hồn cũng như vạn vật đều được cấu tạo từ vật chất như: nước, lửa, không khí, đất.



Democritus (460 – 370 TCN) cho rằng tâm hồn chỉ là một dạng vật thể. Tâm hồn được cấu tạo bởi “nguyên tử lửa” đó là những hạt tròn, nhẵn, vận động với tốc độ nhanh nhất trong cơ thể. Khi tâm hồn cảm thấy hạnh phúc là lúc các nguyên tử lửa vận động nhẹ nhàng, êm dịu. Khi con người cáu gắt là lúc các “nguyên tử lửa” vận động hỗn loạn.

Những tư tưởng các nhà thông thái thời cổ đại (dù là duy tâm hay duy vật) đã có những đóng góp nhất định cho sự hình thành và phát triển của khoa học tâm lý, giúp nó dần dần tách khỏi triết học để trở thành một khoa học độc lập sau này”.

2. Những tư tưởng tâm lý học từ nửa đầu thế kỷ XIX trở về trước



Thuyết nhị nguyên: René Descartes (1596 – 1650) đại diện cho phái nhị nguyên luận” cho rằng vật chất và tâm hồn là hai thực thể song song tồn tại. René Descartes coi cơ thể con người phản xạ như một chiếc máy. Còn bản thể tinh thần, tâm lý của con người thì không biết được.

Sang thế kỷ XVIII, tâm lý học bắt đầu có tên gọi. Nhà triết học Đức Voltaire đã chia nhân chủng học (nhân học) ra thành hai thứ khoa học, một là khoa học về cơ thể, hai là tâm lý học. Năm 1732 ông xuất bản cuốn “Tâm lý học kinh nghiệm”. Sau đó 2 năm (1734) ra đời cuốn “Tâm lý học lý trí”. Thế là tâm lý học ra đời từ đó.



Các thế kỷ XVII, XVIII, XIX có nhiều cuộc tranh luận giữa trường phái duy tâm và duy vật.

Đến nửa đầu thế kỷ XIX có rất nhiều điều kiện để tâm lý học trưởng thành, tự tách ra khỏi mối quan hệ phụ thuộc chặt chẽ vào triết học với tư cách là một bộ phận, một chuyên ngành của triết học.

3. Tâm lý học trở thành một khoa học độc lập

Từ đầu thế kỷ XIX trở đi, nền sản xuất thế giới đã phát triển mạnh, thúc đẩy sự tiến bộ không ngừng của nhiều lĩnh vực khoa học, kỹ thuật, tạo điều kiện cho tâm lý trở thành một khoa học độc lập. Trong đó phải kể đến thành tựu của các ngành khoa học có liên quan như: thuyết tiến hóa của Darwin Charles (1821 – 1882) người Đức, thuyết tâm – vật lý học của Fechner (1801 – 1911) người Anh, và các công trình nghiên cứu về tâm thần học của Gantôn (1822 – 1893) người Pháp.

Đến 1879 nhà tâm lý học Đức Willhelm Wundt (1832 – 1920) đã sáng lập ra phòng thí nghiệm tâm lý học đầu tiên trên thế giới tại thành phố Leipzig. Và một năm sau đó trở thành viện tâm lý học đầu tiên trên thế giới, xuất bản các tạp chí tâm lý học. Từ vương quốc của chủ nghĩa duy tâm, coi ý



thức chủ quan là đối tượng tâm lý học và con đường nghiên cứu ý thức là các phương pháp nội quan, tự quan sát. Wilhelm Wundt đã bắt đầu chuyển sang nghiên cứu tâm lý, ý thức một cách khách quan bằng quan sát, thực nghiệm, đo đạc.

Để chứng minh với các ngành khác trên trường khoa học rằng, tâm lý học cũng có đối tượng nghiên cứu riêng đó là một khoa học nghiên cứu về các tiến trình tâm lý và hành vi, có phương pháp nghiên cứu rõ ràng, có lực lượng nhà khoa học nghiên cứu, cơ quan ngôn luận riêng và có khách thể nghiên cứu cụ thể. Đánh dấu trong lịch sử, sự tách hẳn và nghiên cứu có hệ thống trên trường khoa học.

Để góp phần tấn công vào chủ nghĩa duy tâm, đầu thế kỷ thứ XX các dòng phái tâm lý học khách quan ra đời đó là: tâm lý học hành vi, tâm lý học Gestalt, phân tâm học. Trong thế kỷ XX còn có những trường phái tâm lý học khác có vai trò nhất định trong lịch sử phát triển khoa học tâm lý hiện đại như dòng phái tâm lý học nhân văn, tâm lý học nhận thức. Và nhất là sau cách mạng tháng Mười Nga 1917, dòng phái tâm lý học hoạt động do các nhà tâm lý học Xô Viết sáng lập đã đem lại những bước ngoặt lịch sử đáng kể trong tâm lý học.

4. Các quan điểm cơ bản trong tâm lý học hiện đại

4.1. Tâm lý học hành vi

Tâm lý học hành vi do Broadus Watson (1878 – 1958) người Mỹ chủ trương không mô tả hay giảng giải về các trạng ý thức của con người, mà chỉ cần nghiên cứu hành vi của họ là đủ. Hành vi được quan niệm là tổng số các cử động bên ngoài được nảy sinh để đáp lại một kích thích nào đó theo công thức $S - R$ (S: kích thích, R: p hản ứng). Các cử động này thể hiện chức năng thích nghi với môi trường xung quanh. Vì có thể quan sát được các cử động này nên có thể và phải nghiên cứu chúng một cách khách quan, từ đó có thể điều khiển hành vi theo phương pháp “thử - sai”.

Các học trò Watson sau này như đã đưa vào công thức $S - R$ những “biến số trung gian” như: nền văn hóa, kinh nghiệm sống, nhu cầu, trạng thái, chờ đón...

Câu phát ngôn nổi tiếng của Watson

Hãy cho tôi một chục trẻ em khoẻ mạnh, có thân hình tốt, thế giới đặc biệt của riêng tôi sẽ nuôi dưỡng chúng và bảo đảm chọn bất kỳ đứa trẻ nào để đào tạo bất cứ thành chuyên gia nào tôi mong muốn: Bác sỹ, luật sư, nghệ sỹ, thương gia và ngay cả những hành khất hay trộm cắp không cần biết đến tài năng, khuynh hướng, thiên hướng, khả năng, năng khiếu và chủng tộc của tổ tiên.

Trích: Đinh Phương Duy, Tâm lý học, NXB. Giáo Dục, Tr12.

Bạn nhận định gì về quan điểm này của nhà Tâm lý học hành vi J. Watson?

4.2. Tâm lý học cấu trúc (còn gọi là tâm lý học Gestalt)

Do bộ ba Max Wertheimer (1880 – 1943), Wolfgang Kohler (1887 – 1967) và Kurt Koffka (1886 – 1947) lập ra ở Đức. Đây là một dòng tâm lý học khách quan chuyên nghiên cứu tri giác và ít nhiều nghiên cứu tư duy. Họ đã đi sâu nghiên cứu các quy luật về tính ổn định và tính trọn vẹn của tri giác, quy luật “bùng sáng” của tư duy. Trên cơ sở thực nghiệm, các nhà tâm lý học Gestalt đã khẳng định các quy luật của tri giác, tư duy và tâm lý của con người do các cấu trúc tiền định của não quyết định. Họ ít chú ý đến vấn đề vốn sống, kinh nghiệm xã hội, lịch sử...

4.3. Phân tâm học (còn gọi là tâm lý học Sigmund Freud)

“Phân tâm học do bác sỹ Sigmund Freud người Áo (1859 – 1939) xây dựng nên. Luận điểm cơ bản của bác sỹ Sigmund Freud coi nhân cách con người làm 3 khối:

1. Cái ấy (cái vô thức).
2. Cái tôi.
3. Cái siêu tôi.



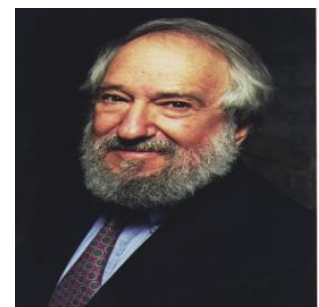
4.4. Tâm lý học nhân văn

Trường phái này do Carl Rogers (1902 – 1987) người Mỹ và Abraham Maslow sáng lập. Các nhà tâm lý học nhân văn quan niệm rằng: bản chất con người vốn tốt đẹp, con người có lòng vị tha, có tiềm năng kỳ diệu.

Abraham Maslow đã nêu năm mức độ nhu cầu của con người xếp theo thứ tự từ thấp đến cao:

4.5. Tâm lý học nhận thức

Đại diện nổi tiếng của dòng họ tâm lý học nhận thức Jean Piaget (Thụy Sĩ) đối tượng nghiên cứu của dòng tâm lý học này là hoạt động nhận thức là nghiên cứu tâm lý con người, nhận thức của con người trong mối quan hệ với môi trường, với cơ thể và não bộ.



4.6. Tâm lý học hoạt động

Dòng tâm lý học này do các nhà tâm lý học Xô Viết sáng lập như: L.X. Vygotski (1896 – 1934), X.L. Rubinstien (1899 – 1960), A.N. Leontiev (1930 – 1979), A.R. Luria (1902 – 1977)... Dòng phái tâm lý học này lấy triết học Mar –

Lênin làm cơ sở phương pháp luận Marxist làm mẫu để nghiên cứu đời sống con người. Tâm lý học hoạt động cho rằng: tâm lý là sự phản ánh thế giới khách quan vào não thông qua hoạt động. Tâm lý người mang tính chủ thể, có bản chất xã hội, tâm lý người được hình thành, phát triển trong hoạt động và giao lưu của con người trong xã hội. Chính vì thế tâm lý học Mar-xit được gọi là tâm lý học hoạt động.

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TÂM LÝ HỌC

Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu tâm lý học

➤ Phương pháp quan sát

Quan sát là một loại tri giác có chủ định, nhằm xác định các đặc điểm của đối tượng qua những biểu hiện như hành động, cử chỉ, điệu bộ, lời nói. Ví dụ: nghiên cứu hứng thú học tập của học sinh thông qua quan sát các biểu hiện bên ngoài. Sự đúng giờ khi đi học, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, tích cực tham gia trong xây dựng bài, tiếp thu tri thức mới...

Quan sát tâm lý giúp chúng ta từ việc quan sát các biểu hiện tâm lý bên ngoài của con người rút ra những đặc điểm và quy luật tâm lý bên trong con người của họ. Trong tâm lý học sử dụng 2 hình thức quan sát sau: quan sát khách quan và tự quan sát.

➤ Phương pháp thực nghiệm

Thực nghiệm là quá trình tác động vào đối tượng một cách chủ động, trong những điều kiện đã được khống chế, để gây ra ở đối tượng những biểu hiện nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của chúng.

Có một số loại thực nghiệm sau:

- Thực nghiệm trong phòng thí nghiệm
- Thực nghiệm tự nhiên.

➤ Phương pháp trắc nghiệm

Đây là một hình thức thực nghiệm đặc biệt dùng để chuẩn đoán tâm lý đã được chuẩn hóa trên một số lượng đủ người tiêu biểu.

Test trọn bộ gồm 4 phần:

- Văn bản test.
- Hướng dẫn đánh giá.
- Bản chuẩn hóa.

➤ **Phương pháp nghiên cứu sản phẩm lao động**

Phương pháp nghiên cứu sản phẩm lao động dựa vào các sản phẩm vật chất và tinh thần của đối tượng để nghiên cứu các chức năng tâm lý của họ vì trong sản phẩm đó chứa đựng một số dấu vết tâm lý, nhân cách của chính đối tượng. Sản phẩm lao động là kết quả của quá trình vận động, hoạt động của chủ thể, thông qua sản phẩm này, nhà nghiên cứu sẽ phát hiện được những đặc điểm tâm lý phổ biến hoặc chủ yếu của họ vì đặc điểm tâm lý được hình thành và thể hiện qua và bằng hoạt động.

➤ **Phương pháp đàm thoại**

Đó là cách đặt những câu hỏi cho đối tượng và dựa vào trả lời của họ để thu thập thêm những thông tin cần thiết. Việc tiến hành các cuộc đàm thoại sẽ giúp các nhà nghiên cứu tìm hiểu những thông tin xác thực và có độ tin cậy cao nhưng cần phải có kỹ thuật nhất định. Quá trình đàm thoại sẽ tiến hành có nhiều giá trị khi nó được tiến hành trong những trạng thái tâm lý phù hợp của nghiệm thể với các yêu cầu khác. Tuy nhiên, nhà nghiên cứu cũng cần chuẩn bị trước các nội dung cần tìm hiểu, cần trò chuyện và những phương án thay thế.

➤ **Phương pháp điều tra**

Là phương pháp dùng một số câu hỏi nhất loại đặt ra cho một số đối tượng nghiên cứu nhằm thu thập ý kiến chủ quan của họ về một số vấn đề nào đó, có thể trả lời hay trả lời bằng miệng và được ghi lại. Phương pháp điều tra được phát huy nhiều trong trường hợp thăm dò nhận thức, thái độ chung của cộng đồng với một vấn đề nào đó.

➤ **Nghiên cứu trường hợp điển hình**

Là phương pháp tìm hiểu sâu rộng một cá nhân hoặc một nhóm rất ít người. Theo phương pháp này nhà tâm lý thường được thực hiện một trắc nghiệm tâm lý, trong đó nhà tâm lý sử dụng một loạt các câu hỏi được soạn thảo cẩn thận để tìm hiểu sâu sắc cá tính của đối tượng nghiên cứu.

➤ **Nghiên cứu tương quan**

Là phương pháp nghiên cứu mối tương quan giữa hai hành vi hoặc giữa các phản ứng đối với hai câu hỏi nêu trong bảng lục vấn. Nhưng phương pháp này cũng có một nhược điểm khó giải thích bản chất liên hệ nhân quả.

IV. VAI TRÒ CỦA TÂM LÝ HỌC

NHỮNG TRIỂN VỌNG TÂM LÝ HỌC HIỆN NAY		
Triển vọng	Tập trung nghiên cứu	Những chủ đề nghiên cứu cơ bản
Tâm lý – động học	Những nỗ lực vô thức Những xung đột	Hành vi như sự diễn tả công khai những động lực vô thức
Hành vi	Những phản ứng công khai cụ thể	Hành vi và động lực, nguyên nhân và kết quả của nó
Nhân văn	Trải nghiệm và tiềm năng của con người	Những kiểu sống Những giá trị Nhưng mục tiêu
Nhận thức	Những tiến trình tinh thần Ngôn ngữ	Những tiến trình tinh thần được suy ra từ những dấu hiệu hành vi